

Số: 284/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 10 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt chủ trương dự án đầu tư xây mới,
nâng cấp, mở rộng 40 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 ngày 6 tháng 2019;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc
hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển
kinh tế-xã hội;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4
năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số
10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây
dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số
nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ
về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết
số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương
trình phục hồi và phát triển kinh tế-xã hội;*

*Căn cứ Văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Văn
phòng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự
án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);*

*Căn cứ Văn bản số 5604/BKHĐT-TH ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Bộ
Kế hoạch và Đầu tư về việc khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án
thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;*

*Thực hiện Thông báo số 698-TB/TU ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ban
Thường vụ Tỉnh ủy về chủ trương dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng 40 trạm
y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên;*

*Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc phê duyệt chủ trương dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp,
mở rộng 40 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 688/BC-
VHXH ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ban Văn hóa-Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng 40 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên.

1. Tên dự án: đầu tư xây mới, nâng cấp, mở rộng 40 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Hưng Yên.

2. Nhóm dự án: dự án nhóm B.

3. Cấp Quyết định chủ trương đầu tư: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên.

4. Cấp Quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

5. Chủ đầu tư: Sở Y tế Hưng Yên.

6. Địa điểm xây dựng: thành phố Hưng Yên, huyện Kim Động, huyện Khoái Châu, huyện Yên Mỹ, thị xã Mỹ Hào, huyện Phù Cù, huyện Ân Thi, huyện Tiên Lữ, huyện Văn Lâm, huyện Văn Giang.

7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 106.000 triệu đồng.

8. Nguồn vốn đầu tư: ngân sách Trung ương (Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

9. Thời gian thực hiện dự án: năm 2022-2023.

10. Hình thức đầu tư của dự án: xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng.

11. Mục tiêu, quy mô dự án

11.1. Mục tiêu đầu tư: xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng Trạm Y tế tuyến xã trên địa bàn tỉnh nhằm hoàn thiện cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân trên địa bàn, phòng chống dịch COVID-19 hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn và phòng, chống dịch.

11.2. Quy mô đầu tư

11.2.1. Các Trạm Y tế thuộc thành phố Hưng Yên

a) Trạm Y tế xã Hoàng Hanh: cải tạo, sửa chữa nhà dân số 1 tầng; cải tạo lại khu vệ sinh chung; xây dựng công, tường rào (chiều dài khoảng 150m); sân, bồn hoa (diện tích khoảng 200m²); xây dựng lán chờ bệnh nhân (diện tích khoảng 50 m²; khung bằng thép, mái lợp tôn).

b) Trạm Y tế xã Phương Chiêu: xây dựng mới công, tường rào (chiều dài khoảng 170m); xây mới bếp + kho (diện tích sàn khoảng 50 m², kết cấu nhà khung BTCT chịu lực, tường xây gạch không nung).

c) Trạm Y tế phường Minh Khai

- Xây dựng mới nhà làm việc 02 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 350 m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng, tường rào (chiều dài khoảng 100m); xây mới bếp + kho (diện tích sàn khoảng 70 m², kết cấu nhà khung BTCT chịu lực, tường xây gạch không nung).

- Xây mới sân bê tông (diện tích khoảng 600m²) và rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 100m).

11.2.2. Các Trạm Y tế thuộc huyện Kim Động

a) Trạm Y tế xã Hiệp Cường

- Sửa chữa khối nhà làm việc 1 tầng; cải tạo, sửa chữa cổng tường rào, nhà vệ sinh; sân đường, rãnh thoát nước (diện tích sàn khoảng 700m²); xây mới bể nước mưa khoảng 15m³.

- Xây mới nhà xe kết hợp hành lang, diện tích khoảng 200m², kết cấu nhà khung thép, mái lợp tôn.

b) Trạm Y tế xã Nghĩa Dân: xây mới cổng, tường rào (chiều dài khoảng 63m); sân, đường (diện tích sân khoảng 200m²); rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 140m).

c) Trạm Y tế xã Nhân La

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 300 m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 1 tầng; xây mới cổng tường rào (chiều dài khoảng 164m); san nền, xây dựng sân, đường bê tông, lát gạch (diện tích sân khoảng 900m²).

d) Trạm Y tế xã Phú Thịnh

- Xây mới nhà làm việc và kho 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 200 m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới hệ thống cổng, tường rào (chiều dài khoảng 112m); sân bê tông, lát gạch (diện tích sàn khoảng 300m²); rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 130m).

11.2.3. Các Trạm Y tế thuộc huyện Khoái Châu

a) Trạm Y tế xã Thuận Hưng

- Xây dựng mới nhà làm việc, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 200m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng, tường rào (chiều dài khoảng 120m); xây mới nhà vệ sinh (diện tích sàn khoảng 20 m²; móng, tường xây gạch không nung, dầm, sàn mái đổ BTCT mác 200).

- Sân đường bồn cây (diện tích sân khoảng 250m^2 , sân đổ bê tông mác 200); xây dựng rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 190m).

b) Trạm Y tế xã Tân Châu

- Xây dựng mới nhà dân số cao 1 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 120m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây dựng mới cổng, tường rào (chiều dài khoảng 190m); sân, đường, bồn cây (diện tích sân khoảng 300m^2 , sân đổ bê tông mác 200); xây rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 185m).

c) Trạm Y tế xã Đông Ninh

- Xây dựng mới nhà làm việc 1 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 150m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung, mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng tường rào (chiều dài khoảng 200m); sân, đường, bồn cây (diện tích sân khoảng 400m^2 , sân đổ bê tông mác 200); xây rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 190m).

d) Trạm Y tế xã Việt Hòa

- Xây dựng mới nhà làm việc 1 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 120m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng tường rào (chiều dài khoảng 100m); sân đường bồn cây (diện tích sân khoảng 200m^2 , sân đổ bê tông mác 200); xây rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 150m).

đ) Trạm Y tế xã Đại Hưng

- Xây dựng mới nhà làm việc, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 200m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng tường rào (chiều dài khoảng 200m); sân, đường, bồn cây (diện tích sân khoảng 200m^2 , sân đổ bê tông mác 200); rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 100m); xây dựng nhà để xe (diện tích khoảng 75m^2).

11.2.4. Các Trạm Y tế thuộc huyện Yên Mỹ

a) Trạm Y tế thị trấn Yên Mỹ

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 300m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây dựng cổng, tường rào (chiều dài khoảng 120m); sân, đường (diện tích sân khoảng 200m^2 , sân đổ bù vênh bằng bê tông mác 200, lát gạch).

b) Trạm Y tế xã Trung Hoà

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 300m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới công, tường rào (chiều dài khoảng 150m).

c) Trạm Y tế xã Hoàn Long

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 300m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới công tường rào (chiều dài khoảng 110m).

d) Trạm Y tế xã Việt Cường

Xây mới nhà để xe (diện tích 80m^2); xây mới hệ thống công, tường rào (chiều dài khoảng 325m); sân, đường (diện tích sân khoảng 500m^2 , sân đổ bê tông mác 200, lát gạch).

đ) Trạm Y tế xã Đồng Than

Xây mới nhà để xe (diện tích khoảng 80m^2); xây mới hệ thống công, tường rào (chiều dài khoảng 95m); sân, đường (diện tích sân khoảng 200m^2 , sân đổ bê tông mác 200, lát gạch); xây mới rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 65m).

11.2.5. Các Trạm Y tế thuộc thị xã Mỹ Hào

a) Trạm Y tế phường Phan Đình Phùng

Xây dựng mới nhà kho, bếp, vệ sinh, nhà xe (diện tích khoảng 100m^2 , nhà kết cấu khung tường chịu lực, lợp mái tôn); xây dựng tường rào (chiều dài khoảng 100m); sân, đường (diện tích sân khoảng 800m^2 , sân đổ bù vênh bằng bê tông mác 200); rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 100m).

b) Trạm Y tế xã Cẩm Xá

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 210m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới nhà kho, bếp, vệ sinh, nhà xe (diện tích khoảng 75m^2 , nhà kết cấu khung tường chịu lực, lợp mái tôn); sân, đường (diện tích sân khoảng 600m^2 , sân đổ bê tông mác 200, lát gạch).

c) Trạm Y tế phường Dị Sử

Cải tạo, sửa chữa lại nhà làm việc 2 tầng; thiết kế mái tôn khu vực sân phục vụ tiêm chủng (diện tích khoảng 450m^2 , kết cấu khung thép lợp mái tôn); sân, đường (diện tích sân khoảng 450m^2 , sân đổ bê tông mác 200, lát gạch).

11.2.6. Các Trạm Y tế thuộc huyện Phù Cừ

a) Trạm Y tế xã Đoàn Đào

- Xây dựng mới trạm y tế xã, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng 350 m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Các hạng mục phụ trợ: xây dựng công, tường rào, kho, bếp, khu vệ sinh ngoài nhà, sân đường bồn cây, thoát nước.

b) Trạm Y tế xã Minh Tân

Xây dựng cải tạo, sửa chữa nhà làm việc; xây dựng mới kết hợp cải tạo, nâng cấp các hạng mục phụ trợ.

c) Trạm Y tế thị trấn Trần Cao

Xây dựng bếp, vệ sinh, nhà kho (diện tích khoảng 27m²); sân, bồn cây, rãnh thoát nước (diện tích khoảng 1.200 m²); công, tường rào chiều dài khoảng 130m); hạ tầng kỹ thuật.

d) Trạm Y tế xã Tống Trân

Xây dựng tường rào (chiều dài khoảng 175m); cải tạo sân, bồn cây (diện tích sân cải tạo khoảng 300 m², đổ bê tông lót, lát nền sân bằng gạch tezzaro); xây dựng rãnh thoát nước khu vực sân cải tạo.

đ) Trạm Y tế xã Tống Phan

Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng; cải tạo sân, rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 200m); nạo vét lòng rãnh, thay mới các tấm đan BTCT đã hư hỏng.

11.2.7. Các Trạm Y tế thuộc huyện Ân Thi

a) Trạm Y tế xã Hoàng Hoa Thám

- Xây dựng mới nhà làm việc 1 tầng, diện tích khoảng 230 m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới công, tường rào (chiều dài khoảng 45m); xây mới nhà bếp, vệ sinh, kho (diện tích khoảng 70 m², kết cấu móng, tường gạch chịu lực, dầm, sàn mái đổ BTCT mác 200).

- Xây dựng mới lán che (diện tích khoảng 80m², kết cấu khung thép, mái lợp tấm nhựa lấy sáng); sân, đường vào, bồn cây (diện tích sân khoảng 470m², sân đổ bê tông mác 200).

b) Trạm Y tế xã Nguyễn Trãi

- Xây dựng mới nhà làm việc 1 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 200m². Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây dựng mới công, tường rào (chiều dài khoảng 10m); xây dựng lán che (diện tích khoảng 60m², kết cấu khung thép, mái lợp tấm nhựa lấy sáng); sân đường bồn cây (diện tích sân khoảng 250m², sân đổ bê tông mác 200).

c) Trạm Y tế xã Hồng Vân

- Cải tạo, sửa chữa 02 nhà làm việc đã xuống cấp; xây mới cổng, tường rào phía trước.

- Xây dựng lán che (diện tích khoảng $60m^2$, kết cấu khung thép, mái lợp tấm nhựa lấy sáng); sân, đường bồn cây (diện tích sân khoảng $300m^2$, sân tôn nền và đổ bê tông mác 200).

d) Trạm Y tế xã Vân Du

Làm mới lán che phía trước và sau nhà trạm (tổng diện tích khoảng $180m^2$, kết cấu khung thép, mái lợp tấm nhựa lấy sáng kết lợp tôn).

đ) Trạm Y tế xã Hạ Lễ

- Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng đã xuống cấp; xây dựng khu nhà bếp, kho (tổng diện tích khoảng $50m^2$).

- Làm mới lán che (diện tích khoảng $60m^2$, kết cấu khung thép, mái lợp tấm nhựa lấy sáng); sân, đường bồn cây (diện tích sân khoảng $310m^2$, sân tôn nền và đổ bê tông mác 200).

11.2.8. Các Trạm Y tế thuộc huyện Tiên Lữ

a) Trạm Y tế xã Cương Chính

Cải tạo, sửa chữa khối nhà làm việc 01 tầng; xây dựng các hạng mục phụ trợ.

b) Trạm Y tế xã Thụy Lôi

Xây dựng mới nhà làm việc 1 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng khoảng $350 m^2$. Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng; nâng cấp cải tạo nhà làm việc hiện có.

11.2.9. Các Trạm Y tế thuộc huyện Văn Lâm

a) Trạm Y tế xã Lạc Hồng

Xây mới nhà xe (diện tích khoảng $80m^2$, kết cấu khung thép, lợp mái tôn); xây dựng cổng, tường rào (chiều dài khoảng 180m); xây dựng sân, đường (diện tích sân khoảng $500m^2$, sân đổ bù vênh bê tông mác 200, lát gạch đất nung); xây mới rãnh thoát nước (chiều dài khoảng 120m).

b) Trạm Y tế xã Chi Đạo

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng $300m^2$. Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng, tường rào (chiều dài khoảng 120m).

c) Trạm Y tế xã Đại Đồng

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng $200m^2$. Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới nhà xe (diện tích khoảng 80m^2); xây mới cổng, tường rào (chiều dài khoảng 220m); sân, đường bê tông (diện tích sân khoảng 300m^2 , sân đổ bê tông mác 200, lát gạch).

d) Trạm Y tế xã Trung Trắc

- Cải tạo, sửa chữa khối nhà làm việc 2 tầng.

- Xây mới nhà xe (diện tích khoảng 80m^2); xây mới hệ thống cổng, tường rào (chiều dài khoảng 324m); sân, đường bê tông (diện tích sân khoảng 510m^2 , sân đổ bê tông mác 200, lát gạch đất nung).

11.2.10. Các Trạm Y tế thuộc huyện Văn Giang

a) Trạm Y tế xã Vĩnh Khúc

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 300m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng chính, hàng rào (chiều dài khoảng 20m); sân, rãnh thoát nước (diện tích khoảng 100m^2 , sân đổ bê tông mác 200).

b) Trạm Y tế xã Xuân Quan

- Xây dựng mới nhà làm việc 1 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 200m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây mới cổng chính, hàng rào (chiều dài khoảng 80m); sân làm mới (diện tích khoảng 200m^2 , sân đổ bê tông mác 200); rãnh thu nước (chiều dài khoảng 150m); cải tạo, sửa chữa hạng mục khác; phá dỡ công trình cũ đã xuống cấp để lấy mặt bằng xây dựng.

c) Trạm Y tế xã Liên Nghĩa

- Xây dựng mới nhà làm việc 2 tầng, tổng diện tích sàn xây dựng 300m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Xây dựng hệ thống sân, rãnh thoát nước (diện tích khoảng 100m^2 , sân đổ bê tông mác 200); phá dỡ công trình cũ đã xuống cấp để lấy mặt bằng xây dựng.

d) Trạm Y tế xã Thăng Lợi

- Xây dựng mở rộng khối tiêm chủng và chăm sóc sức khỏe 1 tầng, diện tích sàn xây dựng khoảng 100m^2 . Kết cấu nhà khung BTCT chịu lực; móng, cột, dầm giằng và sàn mái đổ BTCT toàn khối mác 200, tường bao che xây gạch không nung; mái lợp tôn chống nóng.

- Cải tạo, sửa chữa khối nhà tiêm chủng hiện trạng; xây dựng sân bê tông (diện tích khoảng 100m^2 , sân đổ bê tông mác 200); xây dựng mái che sân (diện tích khoảng 170m^2 , kết cấu khung thép, mái lợp tôn).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Rà soát, bảo đảm không trùng lặp dự án đầu tư và nguồn vốn; thực hiện dự án đảm bảo đúng tiến độ; giải ngân toàn bộ vốn đầu tư từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn 2022-2023. Định kỳ tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

b) Chỉ đạo lập, phê duyệt dự án và quyết định đầu tư dự án theo thẩm quyền khi đã đảm bảo về nguồn vốn để triển khai thực hiện dự án đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan; khảo sát kỹ lưỡng đề có phương án xây mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cho phù hợp với tình hình thực tế, tránh lãng phí, an toàn, hiệu quả và đảm bảo yếu tố kinh tế kỹ thuật của dự án; tổ chức quy trình thanh lý tài sản theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ và Nghị quyết số 145/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của HĐND tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII kỳ họp thứ Mười nhất trí thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch & Đầu tư; Xây dựng; Y tế;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn